

Số: /BC-SNV

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia (giai đoạn 2021-2030)**

Thực hiện Công văn số 302/KHCN-VP ngày 29/3/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc phối hợp cung cấp thông tin xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030, Sở Nội vụ xây dựng nội dung báo cáo như sau:

**I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KHCN VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA SỞ GIAI ĐOẠN 2011-2020**

**1. Tổng quan kết quả chủ yếu đạt được**

**1.1. Nâng cao nhận thức đối với KHCN và ĐMST trong phát triển của Sở**

Sở Nội vụ đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện tốt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Khoa học và công nghệ, UBND tỉnh Bắc Giang về KHCN và ĐMST như: Kết luận số 50- KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương 6 khóa XI về “Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Kết luận số 52-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030; Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Quyết định số 188/2002/QĐ-TTg ngày 31/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình hành động của chính phủ thực hiện kết luận của hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương đảng khoá IX về khoa học và công nghệ; Quyết định số 1285/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về tăng cường hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

## **1.2. Về tiềm lực KHCN và ĐMST của Sở**

- Số lượng Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ: 0 người.
- Số lượng phòng thí nghiệm, trạm, trại thực nghiệm của Sở: Không.
- Số lượng viện nghiên cứu: Không.
- Số lượng các tổ chức trung gian hỗ trợ về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, chuyển giao công nghệ: Không.
- Các chương trình, cơ chế liên kết, hợp tác giữa nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao tri thức ứng dụng thực tiễn của Sở: Không.
- Số tạp chí khoa học của Sở: Không.
- Các khu công nghệ cao, các hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST, các trung tâm ĐMST ở địa phương: Không.
- Tổng kinh phí Nhà nước đầu tư cho xây dựng tiềm lực KHCN của Sở theo các giai đoạn 05 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.

## **1.3. Về thực hiện các nhiệm vụ KHCN và hoạt động ĐMST của Sở**

### ***1.3.1. Thực hiện các nhiệm vụ KHCN của Sở***

- Tổng số nhiệm vụ KHCN đã thực hiện theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.
- Tổng kinh phí đã thực hiện theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016- 2020: Không.
- Tỷ lệ số nhiệm vụ KHCN có kết quả được ứng dụng vào thực tiễn/ tổng số nhiệm vụ KHCN đã thực hiện theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.
- Số lượng các sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, vật nuôi mới/tổng số các KHCN đã thực hiện theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.
- Các giải thưởng KHCN cho tổ chức, cá nhân thuộc Sở: Không.

### ***1.3.2. Hoạt động ĐMST của Sở***

- Các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động ĐMST được ban hành theo thẩm quyền: Không.
- Tình hình hoạt động của các sàn giao dịch công nghệ (số lượng và hoạt động của các sàn giao dịch công nghệ); số lượng hợp đồng và tổng giá trị giao dịch trên thị trường KHCN theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.

- Tình hình hoạt động ĐMST của các doanh nghiệp thuộc Sở: Khuyến khích, động viên công chức, viên chức, người lao động đăng ký đề tài, sáng kiến. Mỗi năm có khoảng 05- 06 đề tài, sáng kiến được công nhận Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh.

- Tình hình hoạt động của các tổ chức hỗ trợ ĐMST của Sở: Không.

- Tình hình hoạt động của các khu công nghệ cao/ ứng dụng công nghệ cao, các hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST, các trung tâm ĐMST tại Sở: Không.

- Tình hình hợp tác, gắn kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong hoạt động KHCN và ĐMST của Sở: Không.

**1.4. Về đổi mới cơ chế quản lý KHCN và ĐMST của Sở: Không.**

**1.5. Về hội nhập quốc tế trong KHCN và ĐMST của Sở**

- Số lượng các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về KHCN và ĐMST theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.

- Kết quả được tạo ra từ các chương trình, dự án theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.

## **II. ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHCN VÀ ĐMST TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2030**

- Triển khai các đề tài, dự án KH&CN liên quan đến tiết kiệm năng lượng, phát triển bền vững. Phát triển và ứng dụng công nghệ xanh, công nghệ cao vào sản xuất.

- Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao những thành tựu KH&CN vào các lĩnh vực sản xuất công nghiệp như: Công nghiệp dệt may, cơ khí, điện tử, chế biến nông, lâm, thủy sản, hóa chất, vật liệu- xây dựng,...

- Nghiên cứu tiếp cận công nghệ và đổi mới công nghệ, lựa chọn công nghệ thích hợp phục vụ phát triển các ngành mũi nhọn của tỉnh, tạo ra các sản phẩm hàng hóa có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao trong nước và xuất khẩu.

- Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; các biện pháp sử dụng năng lượng hợp lý và tiết kiệm. Xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; rác thải nông thôn; môi trường đô thị. Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ tài nguyên môi trường; cách mạng công nghiệp 4.0 trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, chọn tạo giống, thu hoạch, bảo quản và chế biến, gắn với xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, nông nghiệp

hữu cơ bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm nâng cao sức cạnh tranh cho nông sản hàng hóa của tỉnh. Ứng dụng KH&CN truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm nông sản của tỉnh.

- Ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng các mô hình canh tác tiên tiến; ứng dụng chế phẩm sinh học phục vụ bảo quản sau thu hoạch và chế biến nông sản đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; hình thành chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm sản an toàn, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm chủ lực nhằm nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá của tỉnh, các mô hình, các giải pháp phát triển du lịch. Nghiên cứu đổi mới, cải tiến và nâng cao chất lượng học tập, giáo dục và đào tạo.

### **III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHCN VÀ ĐMST CỦA SỞ GIAI ĐOẠN 2021-2030**

- Tiếp tục quan tâm áp dụng KHCN và ĐMST vào lĩnh vực của Nội vụ như: CCHC, ứng dụng quản lý phần mềm cán bộ, công chức, viên chức, xây dựng và triển khai các phần mềm chuyên dụng cho các lĩnh vực cho ngành Nội vụ...

- Khuyến khích và gắn kết công tác thi đua, khen thưởng với ĐMST, các đề tài chiến sỹ thi đua phải thực sự là những sáng kiến, sáng tạo, đổi mới, có giá trị cao khi áp dụng vào thực tiễn trong thực thi nhiệm vụ.

Trên đây là báo cáo xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia (giai đoạn 2021-2030) của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang./.

***Nơi nhận:***

- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- tranglt\_skhcn@bacgiang.gov.vn;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Quang Đông**